

Bản án số: 52/2023/HS-ST
Ngày 03-3-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Trang.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Nguyên;
2. Ông Võ Hoàng Thu.

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Diệp – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Đang - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 280/2022/TLST-HS ngày 15 tháng 12 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2023/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 02 năm 2023 đối với các bị cáo:

1/ Họ và tên: Lê Văn Nhất L; Giới tính: Nam; Sinh năm 2001, tại tỉnh Hưng Y; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Tân M, xã Phú C, thành phố Hưng Y, tỉnh Hưng Y; Nơi cư trú: Không có đăng ký; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông Lê Văn S và bà Lê Thị T; Bị cáo chưa có vợ con. (*Có mặt*)

Tiền án, tiền sự: Không.

2/ Họ và tên: Bùi Văn T; Giới tính: Nam; Sinh năm 2001, tại tỉnh Hưng Y; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Tân T, xã Phú C, thành phố Hưng Y, tỉnh Hưng Y; Nơi cư trú: Không có đăng ký; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông Bùi Văn P và bà Lê Thị N; Bị cáo chưa có vợ con. (*Có mặt*)

Tiền án, tiền sự: Không.

3/ Họ và tên: Phạm Quốc V; Giới tính: Nam; Sinh năm 2001, tại tỉnh Hưng Y; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Tân M, xã Phú C, thành phố Hưng Y, tỉnh Hưng Y; Nơi cư trú: Không có nơi cư trú nhất định; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông Phạm Văn S và bà Đà Thị H; Bị cáo chưa có vợ con. (*Có mặt*)

Tiền án, tiền sự: Không.

4/ Họ và tên: Cao Văn T; Giới tính: Nam; Sinh năm 1994, tại tỉnh Hải D; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm 1, xã Kim L, huyện Kim T, tỉnh Hải D; Nơi

cư trú: Không có đăng ký; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông Cao Văn Đ và bà Lê Thị H; Bị cáo chưa có vợ con. (Có mặt)

Tiền án, tiền sự: Không.

Các bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam ngày từ 04/9/2022 đến nay.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Lê Thị Thúy H, sinh năm: 1986;

Địa chỉ: Số 32, đường số 13, phường Bình T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí M.

2/ Anh Lê Vũ P, sinh năm: 2003;

Địa chỉ thường trú: Ấp Thạnh T, xã Thạnh Đ, huyện Tân H, tỉnh Kiên G.

Nơi ở hiện nay: Số 51, Lý Phục M, phường Bình T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí M.

3/ Ông Lê Thanh P, sinh năm: 1995;

Địa chỉ thường trú: Ấp 4, xã Khánh L, huyện U M, tỉnh Cà M.

4/ Ông Phùng Đức M, sinh năm: 1994;

Địa chỉ: Ấp Thanh P, xã Thanh B, huyện Vũng L, tỉnh Vĩnh L.

5/ Bà Bành Huệ P, sinh năm: 1975;

Địa chỉ: Số 58/25 Lương Thế V, phường Tân Thới H, quận Tân P, Thành phố Hồ Chí M.

6/ Ông Bùi Nguyên Minh S.

Địa chỉ: Số 547, ấp Tân H, xã Tân T, huyện Giồng T, tỉnh Bến T.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Văn Nhất Long: Ông Đỗ Đăng T – Luật sư thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí M.

Địa chỉ: 15/9 Trần Hưng Đ, phường Nguyễn Thái B, Quận 01, Thành phố Hồ Chí M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 00 giờ 15 phút, ngày 04/9/2022, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an huyện Bình Chánh kết hợp Phòng PC06, Công an Thành phố Hồ Chí M và Công an xã Bình H, huyện Bình C tiến hành kiểm tra quán Karaoke Queen B, tại địa chỉ 130, đường A, KDC Trung S, ấp 4B, xã Bình H, huyện Bình C. Tại thời điểm kiểm tra tại phòng Vip 5 của quán Karaoke có Lê Văn Nhất L, Bùi Văn T, Phạm Quốc V, Cao Văn T đang sử dụng ma túy, thu giữ trên mặt bàn trong phòng Vip 5 có 01 đĩa sứ màu trắng phía trên có chất bột màu trắng, 02 gói nylon chứa tinh thể màu trắng là ma túy tổng hợp loại Ketamine (hàng khay) của L, T, V, T cùng góp tiền mua của một thanh niên thường gọi là “Việt” (chưa rõ lai lịch) là nhân viên của quán Karaoke để cùng sử dụng chung nhưng chưa trả tiền cho “Việt”, dự định sau khi sử dụng ma túy xong sẽ tính chung với số tiền thuê phòng hát karaoke và thống nhất L là đứng ra trả tiền trước, sau đó T, V và T sẽ đưa lại

sau thì bị lực lượng Công an đã tiến hành lập biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang, thu giữ, niêm phong số tang vật và lập hồ sơ ban đầu chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình C xử lý (bút lục 01 - 44).

Qua xét nghiệm ma túy cho thấy L, T, V và T có sử dụng ma túy loại Ketamine (bút lục 210, 235, 265, 308).

Tại bản Kết luận giám định số 5100/KLGD-H ngày 13/9/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

- 02 gói nylon chứa chất bột màu trắng được ký hiệu mẫu m₁ thu giữ của Lê Văn Nhất L cần giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,7971g (không phải bảy chín bảy một gam), loại Ketamine.

- 01 gói nylon chứa chất bột màu trắng được ký hiệu mẫu m₂ thu giữ của Lê Văn Nhất L cần giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,3088g (không phải ba không tám tám gam), loại Ketamine.

Tổng khối lượng là: 1,1059 gam loại Ketamine (bút lục 48 - 51).

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình C, Lê Văn Nhất L, Bùi Văn T, Phạm Quốc V và Cao Văn T khai nhận: L, T, Việt, T là bạn bè cùng quê phía bắc vào Thành phố Hồ Chí Minh đi làm thuê, tối ngày 03/9/2022 nhân dịp lễ Quốc Khánh cả nhóm gặp nhau và tổ chức uống bia chung. Sau khi nhậu xong, cả bốn rủ nhau đến quán Karaoke Queen B, tại địa chỉ 130, đường A, khu dân cư Trung S, ấp 4B, xã Bình H, huyện Bình C thuê phòng Vip 5, ca hát và tiếp tục uống bia. Khi vào phòng hát Karaoke, tất cả đều gặp một nam nhân viên của quán tự giới thiệu tên “V” (không rõ lai lịch) mời chào bán ma túy sử dụng thì người này sẽ cung cấp và nói L kết bạn Zalo khi nào cần mua ma túy sử dụng thì người này sẽ mang lên phòng. Sau đó, L, T, V và T lên phòng Vip 5 của quán uống bia và hát karaoke được một lúc thì cả nhóm cùng thống nhất góp tiền mua ma túy sử dụng chung và L là người ứng tiền trả trước kể cả tiền thuê phòng hát Karaoke rồi chia đều cho cả nhóm, T, V và T sẽ trả lại sau. Sau khi thống nhất, L mới sử dụng điện thoại của L nhắn tin cho V qua Zalo nickname “Ernesta” đặt mua ma túy với nội dung: “lấy 04v, 02 chằm luôn nha” (tức là 04 viên thuốc lắc và 02 chằm ma túy khay) V đồng ý bán và trả lời: “Ok”. Một lúc sau, có 01 nam thanh niên khác của quán (không rõ họ tên) mang ma túy lên phòng đưa cho L, T, V và T mỗi người 01 viên thuốc lắc cho vào miệng sử dụng, tiếp đó người nhân viên này tiếp tục mở gói nylon chứa ma túy khay cho vào đĩa sứ trắng để trên bàn và mượn thẻ ATM của T cả nhuyển ma túy chia thành 4 đường cầm cho L, T, V và T sử dụng bằng cách hít qua mũi vào cơ thể sau đó người thanh niên để 02 gói nylon ma túy khay còn lại trên bàn chưa sử dụng hết rồi đi ra khỏi phòng. Đến 00 giờ 15 phút ngày 04/9/2022, thì bị Công an kiểm tra, phát hiện bắt quả tang. Việc L đặt mua ma túy của “Việt” cho cả nhóm sử dụng thì “V” chưa nói giá tiền bao nhiêu nên L chưa trả tiền cho “Việt” dự định sau khi sử dụng ma túy xong sẽ tính tiền chung với tiền thuê phòng hát karaoke (bút lục 275-286; 303-307; 195-209; 220-234; 250-264).

Tại bản cáo trạng số 06/CT-VKS ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình C, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo Lê Văn Nhất L, Bùi Văn T, Phạm Quốc V và Cao Văn T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm g khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, được đã sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Các bị cáo Lê Văn Nhất L, Bùi Văn T, Phạm Quốc V, Cao Văn T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình giống như lời khai tại cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án tự nhận thấy hành vi của mình là trái quy định của pháp luật.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình C, Thành phố Hồ Chí M vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm g khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo: Lê Văn Nhất L từ 02 năm đến 03 năm tù giam; Áp dụng điểm g khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt các bị cáo: Bùi Văn T từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù giam, Phạm Quốc V từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù giam; Cao Văn T từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù giam. Phạt bổ sung các bị cáo Lê Văn Nhất L, Bùi Văn T, Phạm Quốc V, Cao Văn T mỗi bị cáo 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) để sung công quỹ Nhà nước.

Về xử lý vật chứng:

+ 01 bì thư được niêm phong dán kín bên ngoài có các chữ ký, ghi tên Lê Văn Nhất L, Bùi Văn T, Phạm Quốc Việt, Cao Văn T và hình dấu của Công an xã Bình H, huyện Bình C. Bên trong có: 02 gói nylon chứa tinh thể màu trắng và 01 gói nylon chứa bột màu trắng, xét vật chứng này là vật cấm tàng trữ, lưu hành nên đề nghị tịch thu và tiêu hủy;

+ 01 đĩa sứ màu trắng dùng sử dụng ma túy, xét vật chứng này là vật các bị cáo dùng để sử dụng ma túy nên đề nghị tịch thu và tiêu hủy;

+ 01 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng, được cuộn tròn dùng sử dụng ma túy, xét vật chứng này là vật các bị cáo dùng để sử dụng ma túy nên đề nghị tịch thu và nộp ngân sách nhà nước

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone, số Imei: 35658105355083 cùng 01 simcard trên simcard có số 8984 là điện thoại của L sử dụng nhắn tin mua ma túy của V nên đề nghị tịch thu và sung vào công quỹ Nhà nước;

+ 01 xe mô tô hiệu Yamaha Exciter biển số 71B3 – 896.82, số máy G3D4E 887902, số khung 1010KY121469. L mua chiếc xe này của một người bạn ngoài xã hội làm phương tiện đi lại. Qua xác minh được biết chiếc xe này do Bùi Nguyễn Minh S đứng tên chủ sở hữu. Quá trình điều tra anh S không có mặt tại địa phương, đi đâu không rõ nên Cơ quan điều tra chưa tiến hành làm việc được với anh S. Ngày 28/02/2023 anh S có mặt tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình C theo giấy triệu tập và xác nhận anh Sang đứng tên chủ sở hữu chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Exciter biển số 71B3 – 896.82 (không nhớ số máy, số khung), anh S đã bán chiếc xe trên cho Lê Văn Nhất L khoảng hơn hai năm trước, có làm mua bán bằng giấy tay nhưng chưa ra phòng công chứng để làm thủ tục sang tên đổi chủ, anh S xác nhận đã nhận đủ tiền bán xe và cam kết không thắc mắc khiếu nại gì đối với chiếc xe trên, do vậy đề nghị trả lại cho Lê Văn Nhất L.

+ 01 thẻ ATM Ngân hàng TMCP Công thương V Nam (Vietinbank) có số thẻ 9704151530027961 trên thẻ ghi tên Bùi Văn T, T cho người thanh niên mượn thẻ cả nhuyển ma túy cho cả nhóm sử dụng, xét vật chứng này là vật dùng để thực hiện hành vi phạm tội nên đề nghị tịch thu và tiêu hủy thẻ ATM. Tuy nhiên, nếu

trong thẻ ATM có tồn tại số dư tiền khả dụng thì hoàn trả lại cho bị cáo trước khi tiêu hủy thẻ;

+ 01 xe mô tô kiểu dáng Wave biển số: 52P8-2102, số máy: C09E-6387319; số khung: 9026Y-387237. T khai mua chiếc xe này của bạn ngoài xã hội làm phương tiện đi lại. Qua xác minh được biết chiếc xe này do bà Bành Huệ P đứng tên chủ sở hữu. Bà P sử dụng chiếc xe này đến năm 2022 thì bán lại cho bạn nhưng không có làm thủ tục sang tên xe, bà không yêu cầu gì đối với chiếc xe này. Cơ quan điều tra đã đăng báo truy tìm chủ sở hữu nhưng đến nay chưa có kết quả (bút lục 70, 71), đề nghị tiếp tục giao chiếc xe trên cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình C tiến hành đăng báo tìm chủ sở hữu trong thời gian nhất định, nếu không có chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp liên hệ nhận xe thì tịch thu sung quỹ Nhà nước.

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone, số Imei: 356597107412723 cùng 01 simcard trên simcard có số 2080 là điện thoại cá nhân của Việt, xét vật chứng này là vật bị cáo không dùng để thực hiện hành vi phạm tội nên đề nghị trả lại cho bị cáo Việt.

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone, số Imei: 356873114870116 cùng 01 simcard trên simcard có số 6679 là điện thoại của cá nhân của T, xét vật chứng này là vật bị cáo không dùng để thực hiện hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo T.

- Đối với người thanh tên “Việt” bán ma túy cho L, T, V và T và người thanh niên đem ma túy của “V” giao cho L, do chưa rõ nhân thân lai lịch nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình C đang tiếp tục truy xét, khi nào phát hiện được sẽ xử lý sau.

- Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Lê Văn Nhất L:

Về tội danh không có ý kiến tranh luận. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét việc bị cáo có nơi cư trú và làm việc ổn định tại Quận 7 trước khi bị bắt, bản thân bị cáo không nghiện ma túy mà chỉ do một phút thiếu suy nghĩ, bộc phát nhất thời dẫn đến hành vi phạm tội, lượng ma túy mà bị cáo L cùng các bị cáo khác phạm tội có số lượng nhỏ. Bản thân gia đình bị cáo có ông ngoại là người có công với cách mạng; Bị cáo lần đầu phạm tội, đã ăn năn hối cải. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017) giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về hòa nhập với gia đình và xã hội.

- Ý kiến tranh luận của các bị cáo: Không có ý kiến tranh luận.

- Lời nói sau cùng của các bị cáo: Rất hối hận về hành vi của mình, mong Hội đồng xét xử khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị

cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng như đã nêu trên. Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung mà các bị cáo đã trình bày nội dung lời khai là hoàn toàn tự nguyện. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Nhận định hành vi và điều khoản xét xử:

Xét thấy tại phiên tòa các bị cáo Lê Văn Nhất L, Bùi Văn T, Phạm Quốc V, Cao Văn T khai nhận phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, vật chứng của vụ án, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận vào lúc 0 giờ 15 phút ngày 04/9/2022 tại quán Karaoke Queen B, địa chỉ 130, đường A, KDC Trung S, ấp 4B, xã Bình H, huyện Bình C cơ quan công an kiểm tra, bắt quả tang các bị cáo Lê Văn Nhất L, Bùi Văn T, Phạm Quốc V, Cao Văn T có hành vi tàng trữ trái phép và sử dụng chất ma túy. Căn cứ kết luận giám định định số 5100/KLGD-H ngày 13/9/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí M kết luận: Bột màu trắng thu giữ của các bị cáo Lê Văn Nhất L, Bùi Văn T, Phạm Quốc V, Cao Văn T là ma túy ở thể rắn, loại Ketamine, có tổng khối lượng 1,1059 gam.

Hành vi của các bị cáo Lê Văn Nhất L, Bùi Văn T, Phạm Quốc V, Cao Văn T là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến chính sách quản lý và sử dụng chất ma túy của Nhà nước. Tại thời điểm phạm tội các bị cáo là người trưởng thành, có năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ pháp luật cấm tàng trữ trái phép chất ma túy dưới bất kỳ hình thức nào nhưng để có ma túy sử dụng mà các bị cáo cố ý thực hiện hành vi vi phạm. Hành vi của các bị cáo còn xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội, là nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm khác.

Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận hành vi của các bị cáo Lê Văn Nhất L, Bùi Văn T, Phạm Quốc Việt, Cao Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xét thấy, cần áp dụng hình phạt nghiêm cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội trong một thời gian nhất định để răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Việc áp dụng hình phạt, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Xét thấy, các bị cáo có nhân thân tốt, tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017) xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo. Đối với bị cáo Lê Văn Nhất L có vai trò chính trong vụ án, tuy nhiên, tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và gia đình bị cáo có ông ngoại là người có công với cách mạng nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017) xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[4] Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp khác:

+ 01 bì thư được niêm phong dán kín bên ngoài có các chữ ký, ghi tên Lê Văn Nhất L, Bùi Văn T, Phạm Quốc V, Cao Văn T và hình dấu của Công an xã Bình H, huyện Bình C. Bên trong có: 02 gói nylon chứa tinh thể màu trắng và 01 gói nylon chứa bột màu trắng. Xét thấy, vật chứng này là vật cấm tàng trữ, lưu

hành nên tịch thu và tiêu hủy theo quy định tại điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

+ 01 đĩa sứ màu trắng dùng sử dụng ma túy: Xét thấy, vật chứng này là vật các bị cáo dùng để sử dụng ma túy nên cần tịch thu và tiêu hủy theo quy định tại điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

+ 01 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng được cuộn tròn dùng sử dụng ma túy: Xét thấy, vật chứng này là vật các bị cáo dùng để sử dụng ma túy nên cần tịch thu và nộp ngân sách Nhà nước theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone, số Imei: 35658105355083 cùng 01 simcard trên simcard có số 8984 là điện thoại của bị cáo L sử dụng nhắn tin mua ma túy của Việt: Xét thấy, vật chứng này là vật bị cáo khai nhận dùng để sử dụng liên lạc với V khi thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu và nộp vào ngân sách Nhà nước theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

+ 01 xe mô tô hiệu Yamaha Exciter biển số 71B3 – 896.82, số máy G3D4E 887902, số khung 1010KY121469: Xét thấy, vật chứng này là do Lê Văn Nhất L đã mua của anh Bùi Nguyễn Minh S khoảng hơn hai năm trước, anh Sang xác nhận đã nhận đủ tiền bán xe và cam kết không thắc mắc khiếu nại gì đối với chiếc xe trên, vật chứng này là vật bị cáo không dùng để thực hiện hành vi phạm tội nên xem xét trả lại cho bị cáo Lê Văn Nhất L theo quy định Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

+ 01 thẻ ATM Ngân hàng TMCP Công thương V Nam (Vietinbank) có số thẻ 9704151530027961 tên Bùi Văn T, T cho người thanh niên mượn thẻ cả nhuyển ma túy cho cả nhóm sử dụng: Xét thấy, vật chứng này là vật dùng để thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu và tiêu hủy thẻ ATM. Tuy nhiên, nếu trong thẻ ATM có tồn tại số dư tiền khả dụng thì hoàn trả lại cho bị cáo trước khi tiêu hủy thẻ vì tiền trong thẻ không do phạm tội mà có theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

+ 01 xe mô tô kiểu dáng Wave biển số: 52P8-2102, số máy: C09E-6387319; số khung: 9026Y-387237. T khai mua chiếc xe này của bạn ngoài xã hội làm phương tiện đi lại. Qua xác minh được biết chiếc xe này do bà Bành Huệ Phân đứng tên chủ sở hữu. Bà P sử dụng chiếc xe này đến năm 2022 thì bán lại cho bạn nhưng không có làm thủ tục sang tên xe, bà không yêu cầu gì đối với chiếc xe này. Cơ quan điều tra đã đăng báo truy tìm chủ sở hữu nhưng đến nay chưa có kết quả. Xét thấy, xe chưa xác định được chủ sở hữu hợp pháp hiện tại. Do đó, cần tiếp tục giao chiếc xe trên cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình C tiến hành đăng báo tìm chủ sở hữu trong thời gian 06 (sáu) tháng, nếu không có chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp liên hệ nhận xe thì tịch thu sung quỹ Nhà nước.

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone, số Imei: 356597107412723 cùng 01 simcard trên simcard có số 2080 là điện thoại cá nhân của Việt. Xét thấy, vật chứng này là vật bị cáo không dùng để thực hiện hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo theo quy định Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone, số Imei: 356873114870116 cùng 01 simcard trên simcard có số 6679 là điện thoại của cá nhân của Tuấn. Xét thấy, vật chứng này là vật bị cáo không dùng để thực hiện hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo theo quy định Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo Lê Văn Nhất L, Bùi Văn T, Phạm Quốc V, Cao Văn T có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, việc các bị cáo tàng trữ trái phép chất ma túy là để sử dụng, không có mục đích vụ lợi nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên về việc áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Lê Văn Nhất L, Bùi Văn T, Phạm Quốc V, Cao Văn T.

[6]. Đối với người thanh tên “V” bán ma túy cho L, T, V và T và người thanh niên đem ma túy của “Việt” giao cho L, do chưa rõ nhân thân lai lịch nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình C đang tiếp tục truy xét, khi nào phát hiện được sẽ xử lý sau.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố các bị cáo Lê Văn Nhất L, Bùi Văn T, Phạm Quốc V, Cao Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”;

- Căn cứ điểm g khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm đ khoản 1 Điều 32; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017) của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo Lê Văn Nhất L 01 (*một*) năm 06 (*sáu*) tháng tù giam. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/9/2022.

- Căn cứ điểm g khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo Bùi Văn T 01 (*một*) năm 03 (*ba*) tháng tù giam. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/9/2022;

- Căn cứ điểm g khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo Phạm Quốc V 01 (*một*) năm tù giam. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/9/2022;

- Căn cứ điểm g khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo Cao Văn T 01 (*một*) năm tù giam. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/9/2022.

- Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017); điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Tịch thu và tiêu hủy:

+ 01 bì thư được niêm phong dán kín bên ngoài có các chữ ký, ghi tên Lê Văn Nhất L, Bùi Văn T, Phạm Quốc V, Cao Văn T và hình dấu của Công an xã

Bình Hưng, huyện Bình C. Bên trong có: 02 gói nylon chứa tinh thể màu trắng và 01 gói nylon chứa bột màu trắng.

+ 01 đĩa sứ màu trắng dùng sử dụng ma túy.

+ 01 thẻ ATM Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietinbank) có số thẻ 9704151530027961 tên Bùi Văn T. Tuy nhiên, nếu trong thẻ ATM có tồn tại số dư tiền khả dụng thì hoàn trả lại cho bị cáo Bùi Văn T trước khi tiêu hủy thẻ.

Tịch thu và nộp vào ngân sách nhà nước:

+ 01 tờ tiền mệnh giá 10.000đ (*Mười nghìn đồng*).

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone, số Imei: 35658105355083 cùng 01 simcard trên simcard có số 8984.

+ Tiếp tục đăng báo tìm chủ sở hữu trong thời gian 06 (*sáu*) tháng đối với 01 xe mô tô kiểu dáng Wave biển số: 52P8-2102, số máy: C09E-6387319; số khung 9026Y-387237, nếu hết thời hạn trên mà không có chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp liên hệ nhận xe thì tịch thu sung quỹ Nhà nước.

+ Hoàn trả cho bị cáo Lê Văn Nhất L: 01 xe mô tô hiệu Yamaha Exciter biển số 71B3 – 896.82, số máy: G3D4E 887902, số khung: 1010KY121469.

+ Hoàn trả cho bị cáo Phạm Quốc V: 01 điện thoại di động hiệu Iphone, số Imei: 356597107412723 cùng 01 simcard trên simcard có số 2080 là điện thoại cá nhân của Việt.

+ Hoàn trả cho bị cáo Cao Văn T: 01 điện thoại di động hiệu Iphone, số Imei: 356873114870116 cùng 01 simcard trên simcard có số 6679 là điện thoại của cá nhân của T.

(Các vật chứng trên Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình C đang tạm giữ theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 13/12/2022 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình C và Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Bình C, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Các bị cáo Lê Văn Nhất L, Bùi Văn T, Phạm Quốc V, Cao Văn T phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm;

- Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Các bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP.Hồ Chí Minh.
- Công an H. Bình Chánh;
- Nhà tạm giữ Công an H. Bình C;
- VKSND H. Bình C;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THA dân sự H.Bình C;
- PV06 - Công an TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- Bị cáo, đương sự;
- Lưu HS;

Vũ Thị Trang